

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 05 - 3 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
Chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Trung và bà Phạm Thị Thuý Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 02 năm 2024 và ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung” do có kháng cáo của anh Đinh Thái S và ông Đinh Văn Đ đối với bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXPT - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 29/01/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1994, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm C, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An;

- Người đại diện theo ủy quyền về tài sản cho chị Ngô Thị T: Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm: 1996, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm Trung Tiến, xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, Nghệ An

2. Bị đơn: Anh Đinh Thái S, sinh năm: 1990, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm C, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Xóm C, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H: Ông Đinh Văn Đ, sinh năm 1957 (có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm C, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An
+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/3/2023 và đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/7/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn Ngô Thị T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Đinh Thái S đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 10 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị T và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T và anh S sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, anh S đánh đập chị, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vi phạm pháp luật nên năm 2022 bị Tòa án kết án về tội “trộm cắp tài sản”. Mặc dù mâu thuẫn của chị T và anh S đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay không ai quan tâm, chăm sóc tới nhau. Nay chị T thấy vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Thái S.

Về nuôi con: Chị T và anh S có 01 con chung tên là Đinh Vạn Thiên P, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2017. Vợ chồng không ai có con riêng, không có con nuôi. Nay ly hôn chị đồng ý giao con chung của vợ chồng cho anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về chia tài sản: Trong quá trình chung sống chị và anh S đã tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 máy giặt nhãn hiệu Blue whale Bw – 26ple màu xám, cửa trước, loại 26 kg có giá 100.000.000 đồng; 01 máy sấy nhãn hiệu Blue whale màu xám, cửa trước loại 30kg có giá 50.000.000 đồng, 01 máy sấy công nghiệp ba pha có giá 18.000.000 đồng; 01 máy hút chân không có giá 100.000đồng; 01 máy là hơi nước hãng AiQi có giá 500.000đồng; 01 máy hơi dower loại 30l có giá 2.000.000đồng; 01 máy hút bụi nhãn hiệu cleprox x1/40in có giá 1.200.000đồng; 01 máy bơm tăng áp 1,4 kg Raistar có giá 500.000đồng; 01 máy rửa xe Croke 2200w có giá 700.000đồng; 01 xe máy honda, loại SH mode, biển kiểm soát 37H1-700.78 đăng ký ngày 19/12/2022 màu sơn đỏ, đăng ký mang tên Ngô Thị T có giá là 55.000.000 đồng; 01 xe máy honda, loại Winnerx, biển kiểm soát 37H1-67488 mang tên Đinh Thái S. Trị giá 23.000.000 đồng và số tiền mặt mà chị T đang giữ là 90.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là: 341.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi một triệu đồng).

Tại phiên tòa ông Nguyễn Chí T1 là người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị T về tài sản trình bày: Toàn bộ số tài sản trên là do chị T đi xuất khẩu

lao động ở nước ngoài có được, khi chị T mua sắm tài sản ông Đ, bà H không đóng góp công sức cũng như tiền bạc để hình thành nên số tài sản trên. Khi chị T đi xuất khẩu lao động ông Đ, bà H đã bỏ chi phí để chị đi hết khoảng 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) nhưng trong thời gian lao động ở nước ngoài chị T đã gửi về trả nợ cho bà H tổng số tiền là 286.966.917 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm mười bảy đồng). Tuy anh S, chị T đang sống chung với gia đình ông Đ, bà H nhưng số tài sản trên xác định được theo phần theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình. Hơn nữa Luật hôn nhân và gia đình không quy định vợ, chồng sống chung với gia đình phải trích một phần tài sản cho gia đình. Do đó yêu cầu Hội đồng xét xử chia 2 trị giá tài sản và số tiền mặt 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng). Còn 01 xe máy honda, loại Winnerx, biển kiểm soát 37H1-67488 mang tên Đinh Thái S thì giao cho anh S sở hữu, chị T sẽ trích trả tiền chênh lệch chia tài sản cho anh S. Đối với giàn phoi là tài sản của ông Đ, bà H nên chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với khoản nợ anh Nguyễn Văn K số tiền 32.985.000 đồng và nợ chị Nguyễn Thị L số tiền 12.690.000 đồng, đây là khoản nợ mà ông Đ và bà H làm giàn phoi, mái tôn. Do giàn phoi là tài sản của ông Đ, bà H hơn nữa chị cũng không yêu cầu chia giàn phoi nên khoản nợ trên không phải là khoản nợ của chị và anh S.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Thái S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S thống nhất như chị Ngô Thị T đã trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị T sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn nên nguyên nhân mâu thuẫn như chị T2 đưa ra là không đúng. Theo anh S nguyên nhân mâu thuẫn là do ngày 24/02/2023 chị T đi ăn ở quán, anh lên đón chị T về để đi sinh nhật nhưng khi về đến nhà thì chị T xuống xe và có những lời nói khó nghe và đó là hành động cố ý gây mâu thuẫn, gây xích mích vợ chồng. Sau đó chị T đã ra thuê nhà trọ ở nên anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Sau khi anh và chị T sống ly thân thì anh cũng đến gặp chị T 4 đến 5 lần với mục đích là khuyên nhủ để chị T về sống đoàn tụ với anh. Do đó nay anh vẫn còn tình cảm với chị T, mục đích hôn nhân vẫn đạt được nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con: Vợ chồng có một con chung tên là Đinh Vạn Thiên P, sinh ngày 22/9/2017, vợ chồng không ai có con riêng, không nhận nuôi con nuôi. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của anh và chị T. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Anh thống nhất số tài sản như chị T kê khai. Ngoài ra còn có 01 giàn phoi đều là tài sản chung của anh S, chị T, ông Đ và bà H. Nay ly hôn anh đề nghị chia đều cho bốn người và giao cho ông Đ, bà H được quyền sở hữu toàn bộ số tài sản trên. Do số tiền mặt 90.000.000 đồng chị T đang giữ nên chị T phải trích cho ông Đ, bà H số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng).

Đối với các khoản nợ gồm nợ anh Nguyễn Văn K số tiền 32.985.000 đồng và nợ chị Nguyễn Thị L số tiền 12.690.000 đồng đều là nợ chung của anh S, chị T, ông Đ, bà H bởi đây là khoản nợ khi làm giàn phoi. Do đó nay chị T, anh S, ông Đ, bà H phải chịu trách nhiệm trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Đ và bà Lê Thị H thống nhất trình bày:

Đối với số tài sản mà chị T yêu cầu Tòa án chia, ngoài ra còn có 01 giàn phoi đều là tài sản chung của anh S, chị T, ông Đ và bà H. Bởi chị T là con dâu của ông, bà nên khi chị T đi xuất khẩu lao động ông, bà là người đầu tư tiền nên mọi thu nhập mà chị T có được khi lao động ở nước ngoài đều là tài sản chung của hộ gia đình. Do đó nay chị T, anh S ly hôn đề nghị chia đều cho bốn người và giao cho ông Đ, bà H được quyền sở hữu toàn bộ số tài sản trên. Do số tiền 90.000.000 đồng chị T đang giữ nên chị T phải trích cho ông Đ, bà H số tiền 54.000.000đ (năm mươi tư triệu đồng).

Đối với các khoản nợ gồm nợ anh Nguyễn Văn K số tiền 32.985.000 đồng và nợ chị Nguyễn Thị L số tiền 12.690.000 đồng đều là nợ chung của anh S, chị T, ông Đ, bà H. Bởi vì khoản nợ này là nợ tiền sắt, tiền công làm giàn phoi nhằm phục vụ cho hệ thống máy giặt nên chị T, anh S, ông Đ, bà H đều phải chịu trách nhiệm trả nợ cho anh K, chị L.

Bản bản khai ngày 14/8/2023 và ngày 07/9/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày:

Vào khoảng tháng 10 năm 2022 và tháng 3 năm 2023 ông Đ có gọi anh làm mái tôn, cửa cuốn, giá để hàng, giàn phoi với tổng số tiền là 134.542.000 đồng (một trăm ba mươi tư triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Bà H (vợ ông Đ) đã thanh toán được số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền còn lại là 34.542.000 đồng. Do ông Đ là người đã gọi anh làm nên ông Đ phải chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho anh.

Tại bản khai ngày 14/8/2023, ngày 07/5/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 10/02/2023 bà H có đặt vấn đề mua sắt của chị. Do đó từ ngày 10/02/2023 đến ngày 14/02/2023 chị T đã lên quán chị lấy sắt nhiều lần với tổng số tiền còn nợ là 12.690.000 đồng. Do bà H là người đặt vấn đề mua sắt nên bà H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho chị.

Tại bản án sơ thẩm số 23/2023/HNGĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An đã quyết định.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; các Điều 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 212; 213; 440 của BLDS; các Điều 33; 51; 56; 57; 58; 59; 61; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Đinh Thái S.

2. Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngô Thị T và anh Đinh Thái S.

Giao cho anh Đinh Thái S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh S và chị T là Đinh Vạn Thiên P, sinh ngày 22/9/2017 cho đến khi con chung trưởng thành.

Anh Đinh Thái S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Chị Ngô Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản:

3.1. Giao cho chị Ngô Thị T được quyền sở hữu tài sản gồm:

+ 01 máy giặt nhãn hiệu Blue whale Bw – 26ple màu xám, cửa trước, loại 26 kg có giá 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

+ 01 máy sấy nhãn hiệu Blue whale màu xám, cửa trước loại 30kg có giá 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

+ 01 máy sấy công nghiệp ba pha có giá 18.000.000đ (mười tám triệu đồng)

+ 01 máy hút chân không có giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng)

+ 01 máy là hơi nước hãng AiQi có giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)

+ 01 máy hơi dower loại 301 có giá 2.000.000đ (hai triệu đồng)

+ 01 máy hút bụi nhãn hiệu cleprox x1/40in có giá 1.200.000đ (một triệu, hai trăm nghìn đồng)

+ 01 máy bơm tăng áp 1,4 kg Raistar có giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)

+ 01 máy rửa xe Croke 2200w có giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng)

+ 01 xe máy honda, loại SH mode; biển kiểm soát 37H1-700.78 đăng ký ngày 19/12/2022 màu sơn đỏ; đăng ký mang tên Ngô Thị T có giá là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng)

+ Số tiền mặt mà chị T đang giữ là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng)

Tổng trị giá tài sản mà chị Ngô Thị T được nhận là 318.000.000đ (ba trăm mười tám triệu đồng). Chị Ngô Thị T có nghĩa vụ trích lại tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Đinh Thái S là 147.500.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản mà chị T được nhận sau khi trích trả cho anh S là 170.500.000đ (một trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn đồng).

3.2. Giao cho anh Đinh Thái S được quyền sở hữu tài sản gồm:

+ 01 xe máy honda, loại Winnerx, biển kiểm soát 37H1-67488 mang tên Ngô Thái S1. Trị giá 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng)

+ Anh Đinh Thái S được nhận số tiền 147.500.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) do chị T trích lại chênh lệch chia tài sản. Tổng trị giá tài sản và số tiền mà anh S được nhận là: 170.500.000đ (một trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn đồng)

3.3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn Đ, bà Lê Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về tiền lãi suất chậm thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2023, anh Đinh Thái S kháng cáo nội dung: Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình chị T trình bày chưa đúng, về tài sản là tài sản chung của cả gia đình. Số tiền chị T gửi về bên ngoài, số vàng được tặng ngày cưới và tiền thu nhập từ máy giặt chưa được làm rõ, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

Ngày 13/10/2023, ông Đinh Văn Đ kháng cáo nội dung: Số tài sản đã chia cho vợ chồng là của 04 người gồm ông Đ, bà H, anh S và chị T. Ngoài ra ông còn yêu cầu anh S và chị T thanh toán cho ông Đ và bà H tiền ăn, tiền ở, tiền điện sinh hoạt, tiền nghĩa vụ lao động hàng năm từ ngày cưới đến nay; tiền thuê mặt bằng đặt máy giặt, máy sấy, tiền thuê đất đặt giàn phơi, tiền công làm máy giặt 05 tháng, tiền trông giữ con và số tiền nợ còn thiếu của ông bà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Anh Đinh Thái S và ông Đinh Văn Đ kháng cáo trong thời hạn luật định; nội dung, hình thức đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật; vì vậy, kháng cáo của anh S và ông Đ được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đinh Thái S và ông Đinh Văn Đ; sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

Anh Đinh Thái S và ông Đinh Văn Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Chị Ngô Thị T và anh Đinh Thái S đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 10 năm 2016 tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị T và anh S chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Mặc dù mâu thuẫn của chị T và anh S đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 3 năm

2023 đến nay không ai quan tâm, chăm sóc tới nhau. Nay chị T thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Thái S. Anh S đang còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Chị T và anh S thỏa thuận thống nhất vợ chồng có 01 con chung, không ai có con riêng, không có con nuôi. Nay ly hôn giao cho anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đinh Vạn Thiên P, sinh ngày 22/9/2017. Anh S không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng thống nhất số tài sản chung của vợ chồng. Anh S và ông Đ kháng cáo yêu cầu tính công sức của ông Đinh Văn Đ và bà Lê Thị H nên chia tài sản thành 04 phần.

[2] Xét kháng cáo của anh Đinh Thái S:

2.1. Về tình cảm: Tại phiên tòa phúc thẩm anh S và chị T thỏa thuận do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Đinh Thái S và chị Ngô Thị T thỏa thuận giao con chung của vợ chồng là cháu Đinh Vạn Thiên P, sinh ngày 22/9/2017 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con như bản án sơ thẩm đã quyết định.

2.3. Về tài sản: Theo nội dung đơn kháng cáo anh S cho rằng trong thời gian đi xuất khẩu lao động tại N chị T đã gửi tiền về cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T3 52.000.000 đồng, chuyển cho em gái là Ngô Thị T4 96.000.000 đồng, chuyển cho em trai là Ngô Đình T5 131.000.000 đồng, số vàng được tặng trong ngày cưới và tiền thu nhập từ giặt là trong 05 tháng từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023. Tại phiên tòa chị T trình bày chị gửi tiền cho mẹ và các em là để giảm tiền thuế thu nhập, khi về nước chị đã lấy lại số tiền đó để mua máy giặt, máy sấy. Số vàng được tặng trong ngày cưới là 03 chỉ do sau ngày cưới vợ chồng chưa có việc làm nên đã bán hết để khám chữa bệnh cho con và chi tiêu trong gia đình hết. Số tiền thu nhập từ nghề giặt là từ tháng 11/2022 đến tháng 3/2023 được 40.000.000 đồng. Do mới bắt đầu làm nghề nên đã chi phí mua sắm nguyên vật liệu, tặng quà bố mẹ chồng 5.000.000 đồng và chi tiêu trong tết nguyên đán năm 2023 hết, nay không còn đồng nào. Anh S không có căn cứ chứng minh và chấp nhận như ý kiến chị T trình bày. Tại phiên tòa anh S và chị T thỏa thuận thống nhất số tài sản chung của vợ chồng đúng như bản sơ thẩm đã xem xét, ngoài ra còn có hệ thống giàn phơi trị giá 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và số tiền nợ như anh K, chị L trình bày.

[3] Xét kháng cáo của ông Đinh Văn Đ:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đinh Văn Đ trình bày: Ông Đ và bà H là người đứng ra vay tiền cho chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Giữa ông bà và vợ chồng Sơn T6 không có sự thỏa thuận về hợp nhất tài sản nên ông chấp nhận số tài sản đó là của vợ chồng Sơn T6. Khi ly hôn ông đề nghị vợ chồng

Son T6 phải trả cho ông Đ bà H tiền ăn, tiền ở, tiền điện sinh hoạt, tiền nghĩa vụ lao động hàng năm từ ngày cưới đến nay; tiền thuê mặt bằng đặt máy giặt, máy sấy, tiền thuê đất đặt giàn phơi, tiền công làm máy giặt 05 tháng, tiền trông giữ con trong thời gian vợ chồng Son T6 đi xuất khẩu lao động và làm máy giặt với tổng số tiền là bằng 1/3 số tài sản của vợ chồng sau khi đã trừ đi số nợ của vợ chồng nợ anh K và chị L. Tại phiên tòa ông Đ và là người đại diện hợp pháp của bà H, anh S và chị T6 thỏa thuận thống nhất như yêu cầu của ông Đ bà H.

[4] Đối với số tiền nợ anh Nguyễn Văn K: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đình Văn Đ và là người đại diện theo ủy quyền của bà H cùng anh S và chị T6 thỏa thuận thống nhất như anh K trình bày. Vào tháng 11/2022 anh K có nhận làm giàn mát cho ông Đ và bà H bao gồm cả tiền công và vật liệu, sau khi làm xong đã thanh toán còn thiếu nợ 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng, đây là số tiền ông Đ và bà H nợ anh K. Vào tháng 02/2023 anh K có làm hệ thống giàn phơi cho anh S và chị T6 với số tiền công là 9.985.000 (Chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn) đồng, nhưng chưa thanh toán, đây là số nợ anh S và chị T6 phải trả.

Đối với số tiền nợ chị Nguyễn Thị L: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đình Văn Đ và là người đại diện theo ủy quyền của bà H cùng anh S và chị T6 thỏa thuận thống nhất như chị L trình bày. Vào tháng 02/2023 bà H có đặt vấn đề mua sắt để làm giàn phơi, chị T6 là người nhận sắt với tổng số tiền 15.560.000 (Mười lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, chị T6 đã trả 3.000.000 (Ba triệu) đồng còn nợ 12.560.000 (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng, đây là số nợ chung của anh S và chị T6. Anh S đã trả hết khoản nợ này.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Đối với số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng ông Đ và bà H còn nợ anh Nguyễn Văn K là một giao dịch dân sự khác không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông Đình Văn Đ và anh Đình Thái S kháng cáo được chấp nhận một phần, sửa bản án sơ thẩm nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Do sửa bản án về phần tài sản nên tính lại án phí sơ thẩm. Anh S và chị T6 mỗi người phải chịu án phí theo số tài sản được hưởng trị giá 180.500.000 (Một trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn) đồng bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ, và trích trả cho ông Đ và bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đình Thái S và ông Đình Văn Đ. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Đinh Thái S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con: Giao cháu Đinh Vạn Thiên P, sinh ngày 22/9/2017 cho anh Đinh Thái S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Ngô Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con do anh Đinh Thái S không yêu cầu.

Chị Ngô Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản:

- Anh Đinh Thái S có nghĩa vụ giao lại cho chị Ngô Thị T được quyền sở hữu tài sản anh đang quản lý gồm:

+ 01 máy giặt nhãn hiệu Blue whale Bw – 26ple màu xám, cửa trước, loại 26 kg trị giá 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

+ 01 máy sấy nhãn hiệu Blue whale màu xám, cửa trước loại 30kg trị giá 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

+ 01 máy sấy công nghiệp ba pha trị giá 18.000.000đ (mười tám triệu đồng)

+ 01 máy hút chân không trị giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng)

+ 01 máy là hơi nước hãng AiQi trị giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)

+ 01 máy hơi dower loại 301 trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng)

+ 01 máy bơm tăng áp 1,4 kg Raistar trị giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)

+ 01 máy rửa xe Croke 2200w trị giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng)

- Anh Đinh Thái S được quyền sở hữu tài sản anh đang quản lý gồm:

+ 01 xe máy honda, loại Winnerx, biển kiểm soát 37H1-67488 mang tên Ngô Thái S1. Trị giá 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng);

- + Hệ thống giàn phơi đồ giặt là trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);
- Anh Đinh Thái S có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L 12.690.000đ (Mười hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền nợ mua sắt làm giàn phơi (anh S đã trả xong).
- Chị Ngô Thị T được quyền sở hữu các tài sản chị đang quản lý gồm:
 - + 01 xe máy honda, loại SH mode; biển kiểm soát 37H1-700.78 đăng ký ngày 19/12/2022 màu sơn đỏ; đăng ký mang tên Ngô Thị T trị giá 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng)
 - + 01 máy hút bụi nhãn hiệu cleprox x1/40in trị giá 1.200.000đ (một triệu, hai trăm nghìn đồng)
 - + Số tiền mặt mà chị T đang giữ là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng)
- Chị Ngô Thị T có nghĩa vụ trích lại tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Đinh Thái S là 82.465.000đ (Tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Trả cho ông Đinh Văn Đ và bà Lê Thị H 112.775.000đ (một trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Anh Đinh Thái S được quyền sở hữu số tiền 82.465.000đ (Tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) do chị T trích lại chênh lệch chia tài sản. Ông Đinh Văn Đ và bà Lê Thị H được quyền sở hữu 112.775.000đ (một trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) do chị T giao trả.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 9.025.000 đồng án phí chia tài sản. Được trừ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008770 ngày 21/3/2023 và 6.750.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0008872 ngày 10/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

Anh Đinh Thái S phải nộp 9.025.000 đồng án phí chia tài sản. Được trừ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008770 ngày 21/3/2023 và 6.750.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001324 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

Án phí phúc thẩm: Ông Đinh Văn Đ và anh Đinh Thái S không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các phần của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã Nghĩa Thuận;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Sơn

